TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v "Ly hôn giữa anh M và chị Ph"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Sửu;
Ông Trần Văn Thiện.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*: ông Ngô Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ gày 30/3/2022, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 09/TB-TA ngày 13/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 171, đường L, tổ dân phố Ch, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

- Bị đơn: Chị Giáp Thị Ph, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Văn M trình bày:

Anh và chị Giáp Thị Ph kết hôn ngày 27/5/2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại số nhà 171, đường L, tổ dân phố Ch, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sáu tháng sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vã to tiếng. Cuối năm 2016, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị Ph bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Ch, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng

không thành. Vợ chồng anh ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị Ph.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là Đỗ Duy M1, sinh ngày 14/12/2015, từ khi ly thân cháu M1 ở cùng anh. Hiện cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M1, không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Giáp Thị Ph thông qua bố đẻ của chị Ph là ông Giáp Văn H. Qua các biên bản làm việc với ông H, ông H xác định đã giao lại toàn bộ các văn bản của Tòa án cho chị Giáp Thị Ph nhưng do công việc bận nên chị Ph không đến Tòa án làm việc và không trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa chị Ph vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh M, xử:

Cho anh Đỗ Văn M được ly hôn chị Giáp Thị Ph.

Con chung: Giao cho anh Đỗ Văn M trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Duy M1, sinh ngày 14/12/2015. Chị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Anh M phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Ph đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ

án vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hện hôn nhân: Anh Đỗ Văn M kết hôn cùng chị Giáp Thị Ph ngày 27/5/2015, có đăng ký kết hôn tại phường X, thành phố Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã to tiếng. Vợ chồng anh M, chị Ph đã được gia đình hòa giải nhưng không thành và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên xin ly hôn chị Ph. Qua xác minh với đại diện gia đình chị Ph và đoàn thể nơi chị Ph cư trú đều xác nhận vợ chồng anh M chị Ph có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016 và sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị Ph đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để cho anh M được ly hôn với chị Ph.

[3] Về con chung: Anh M và chị Ph có 01 con chung là Đỗ Duy M1, sinh ngày 14/12/2015. Cháu M1 ở cùng anh M kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay anh M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ph đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không có lời khai về con chung. Anh M trình bày có mở cửa hàng cắt tóc thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng và ở chung cùng bố mẹ anh M. Như vậy, có thể thấy anh M có đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác, con chung của anh M, chị Ph đang được anh M cùng ông bà nội nuôi dưỡng từ khi vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tránh làm xáo trộn cuộc sống của con khi giải quyết ly hôn, cần giao cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, anh M không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều

83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Đỗ Văn M được ly hôn với chị Giáp Thị Ph.

2. Về con chung: Giao cho anh Đỗ Văn M trực tiếp nuôi con chung Đỗ Duy M1, sinh ngày 14/12/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011508 ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnT;
- UBND phường X;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy